

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số/TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;
- Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035 quy định: “*Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.*”;
- Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: ... nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương”*;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030, quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: *“Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”*.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên là đảm bảo đầy đủ cơ sở UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh tỉnh Gia Lai.

2. Cơ sở thực tiễn

Giai đoạn 2021-2025, 03 Chương trình MTQG (xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) được triển khai đồng bộ trên phạm vi cả nước, góp phần quan trọng cải thiện kết cấu hạ tầng nông thôn, nâng cao đời sống Nhân dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Để đảm bảo việc phân bổ vốn đúng quy định Luật Đầu tư công, quản lý tập trung thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách tạo quyền chủ động cho các cấp chính quyền địa phương, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai

đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh¹. Kết quả của việc phân bổ vốn đã đảm bảo tính công khai, minh bạch, qua đó đã nhận được sự đồng tình của các đơn vị, địa phương thụ hưởng.

Bước sang giai đoạn 2026-2030, Quốc hội đã quyết định tích hợp 03 Chương trình MTQG thành một Chương trình thống nhất theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 quy định: “*Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.*”;

Nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và tạo quyền chủ động cho các địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất bố trí kinh phí để thực hiện việc đối ứng theo quy định; việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết mới Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo

¹ (1) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; (2) Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; (3) Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định; (4) Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định kèm theo nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định; (5) Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025. (6) Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. (7) Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (8) Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (9) Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (10) Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh tỉnh Gia Lai là hết sức cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

- Việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương nhằm bảo đảm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật, trọng tâm, trọng điểm và đảm bảo đúng quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

- Giúp các địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động, đề xuất và bố trí kinh phí đối ứng theo quy định nhằm thực hiện đạt mục tiêu Chương trình.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Việc xây dựng Nghị quyết bám sát đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

b) Đảm bảo sự phù hợp về thẩm quyền ban hành Nghị quyết; trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

c) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định pháp luật liên quan và tình hình thực tế tại địa phương; đảm bảo sự công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở căn cứ pháp lý và thực tiễn tại địa phương, sau khi rà soát, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã trình UBND tỉnh đăng ký nội dung Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp chuyên đề tháng 5 của HĐND tỉnh khoá XIII, nhiệm kỳ 2026-2031².

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường họp Tổ soạn thảo, lấy ý kiến bằng văn bản một số sở, ngành có liên quan (lần 1)³; Hoàn thiện dự thảo lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, ngành, UBND các xã, phường (lần 2) tại Văn bản số .../SNNMT-PTNT ngày ../.../2026; đăng tải lấy ý kiến đối tượng thụ hưởng trên cổng thông tin điện tử UBND tỉnh tại Văn bản số .../SNNMT-PTNT ngày ../.../2026. Trên cơ sở góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa

² Tờ trình số 511/TTr-SNNMT ngày 21/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

³ Văn bản số 4077/SNNMT-PTNT ngày 21/04/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số/SNNMT-PTNT ngày/.../2026.

Sau khi có Báo cáo thẩm định số/BC-STP ngày/.../2026 của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, đảm bảo đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

b) Đối tượng áp dụng

a) Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm có 03 Chương, 08 Điều cụ thể:

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương

Điều 5. Nguyên tắc, nội dung, mức bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Chương III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Điều 8. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

Nội dung của Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của Nghị quyết với hệ thống pháp luật; đồng thời, nội dung quy định nguyên tắc tiêu chí định mức phân bổ vốn của dự thảo Nghị quyết bám sát theo Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg và phù hợp với đặc điểm từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tóm tắt như sau:

3.1. Nguyên tắc phân bổ

3.1.1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.1.2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

3.1.3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

3.1.4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách; mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân kế hoạch vốn năm trước liền kề.

3.2. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và số xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng thôn, xã tương ứng của xã, cụ thể như sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.

- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo: Hệ số 50.
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40.
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.
- đ) Xã còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

3.3. Mức bố trí vốn đối ứng, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương

3.3.1. Mức bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương: Trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho tỉnh Gia Lai, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí địa phương tối thiểu bằng 1,25 lần tổng vốn hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương.

3.3.2. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương

Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung, bao gồm:

a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực; rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Hỗ trợ xã thuộc kế hoạch hoặc phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.

c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung ở cấp tỉnh thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó ưu tiên các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ ở các cấp; tổ chức hoặc tham gia Hội nghị, hội thảo thuộc Chương trình. Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm. Thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Phát triển du lịch

nông thôn. Tổ chức thực hiện các Phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm. Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai, Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Gia Lai). Thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Các hoạt động nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Các hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

3.3.3. Tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương

3.3.3.1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã, phường

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và số xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo, số xã, phường thuộc kế hoạch hoặc phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã, phường được xác định bằng hệ số phân bổ quy định cụ thể như sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.

b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo và xã, phường thực hiện hoặc phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hệ số 50.

c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN và xã, phường thực hiện hoặc phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hệ số 40.

d) Xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.

đ) Xã, phường còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

3.3.3.2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường: Thực hiện tương tự theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

3.3.3.3. Đối với các sở, ban, ngành của tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phân bổ cho các sở, ban, ngành không vượt quá 10% tổng vốn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 và hằng năm thực hiện Chương trình.

3.4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

3.4.1. Phương pháp xác định tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương

Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng cho cấp xã thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hằng năm; việc xác định mức đối ứng được thực hiện theo phương pháp tính điểm trên cơ sở các tiêu chí sau:

a) Điểm số được xác định theo tỷ lệ nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh năm 2026 của xã, phường (bằng tổng số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã phường/Tổng chi cân đối ngân sách xã, phường) (Căn cứ theo Nghị Quyết số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026)

Tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	Điểm
Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 90% trở lên	20
Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 80% đến dưới 90%	40
Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 70% đến dưới 80%	50
Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 60% đến dưới 70%	70
Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 50% đến dưới 60%	80
Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh dưới 50%	90

b) Điểm số được xác định dựa trên tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2025 của xã, phường (Theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai)

Tỷ lệ nghèo đa chiều	Điểm
Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều từ 30% trở lên	-5
Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều từ 20% đến dưới 30%	-3
Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều từ 10% đến dưới 20%	0
Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều từ 5% đến dưới 10%	3
Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 5%	5

c) Điểm số được xác định dựa trên dân số dân tộc thiểu số (Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tính đến hết năm 2025) của xã, phường

Dân số dân tộc thiểu số	Điểm
Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số từ 20.000 người trở lên	-5
Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số từ 14.000 người đến dưới 20.000 người	-3

Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số từ 8.000 người đến dưới 14.000 người	0
Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số từ 2.000 người đến dưới 8.000 người	3
Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số dưới 2.000 người	5

3.4.2. Phương pháp xác định tổng điểm và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách xã, phường

a) Tổng số điểm của từng xã, phường được tính căn cứ các tiêu chí ở khoản 1 Điều này là căn cứ xác định mức tỷ lệ đối ứng của ngân sách xã, phường.

b) Phương pháp xác định tổng điểm:

Tổng điểm của từng xã, phường được xác định bằng tổng đại số số điểm theo các tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này, theo công thức sau:

$$T = A + B + C$$

Trong đó:

T: Tổng điểm của xã, phường

A: Điểm theo tỷ lệ nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh năm 2026 của xã, phường;

B: Điểm theo tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2025 của xã, phường;

C: Điểm theo dân số dân tộc thiểu số.

Xã, phường có tổng điểm cao hơn thì áp dụng tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách xã, phường cao hơn; xã, phường có tổng điểm thấp hơn thì áp dụng tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách xã, phường thấp hơn.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN VẤN BÀN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BÀN HÀNH

1. Nguồn lực về tổ chức, bộ máy

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương trung hạn giai đoạn 2026-2030 và hằng năm cho các sở, ban, ngành, các địa phương để thực hiện Chương trình, gửi Sở Tài chính để tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm, hằng năm; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước hằng năm, giai đoạn 5 năm cho các sở, ban, ngành và địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường: Xây dựng kế hoạch bảo đảm sát nhu cầu thực tế và cân đối, bố trí ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp

khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn, phân đầu hoàn thành mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt.

Do vậy, nguồn lực về tổ chức, bộ máy đảm bảo triển khai Nghị quyết sau khi được HĐND tỉnh thông qua.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết

Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Thời gian trình thông qua Nghị quyết

Trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết kỳ họp chuyên đề tháng 5 năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Đính kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo số .../BC-STP ngày .../.../2026 của Sở Tư pháp về thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Sở, địa phương; các tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, TC; TP, KH&CN, NV, DTTD, XD;
- CVP, PVP NNMT;
- Lưu: VT, C5, N2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp